

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/KDTM-ST

Ngày: 29/6/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vũ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Ngọc A

2/ Bà Phan Thị B

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Thành Đ – Cán bộ
Toà án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T tham gia phiên tòa: Ông Phạm
Quốc P - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ
lý số: 14/2016/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
153/2018/KDTMST-QĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M

Địa chỉ: 15 Đường 623, khu phố 6, phường P, Quận T, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T (Giấy ủy quyền ngày
04/4/2016)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn J

Địa chỉ: Xưởng E3, số 63C Lò Lu, phường T, Quận T, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên
đơn Công ty Cổ phần chỉ may M có ông Trương Văn T đại diện theo ủy quyền
trình bày:

Ngày 18/10/2014, Công ty Cổ phần M do ông Nguyễn Ngọc D là đại diện theo pháp luật có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH J (Công ty J) do ông K là đại diện theo pháp luật. Công ty M đã bán chỉ may cho Công ty J, việc mua bán, thanh toán trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng nguyên tắc số 112-2014/HDNT, ngày 18/10/2014. Số lượng chỉ và màu sắc được Công ty J báo bằng đơn đặt hàng cụ thể và việc thanh toán căn cứ vào hóa đơn (hóa đơn giá trị gia tăng), bên Công ty J phải thanh toán trong vòng 40 ngày kể từ ngày Công ty M phát hành hóa đơn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán đã ký, Công ty M giao đủ số lượng hàng hóa (chỉ may) cho Công ty J. Ngày 30/9/2015 hai công ty đối chiếu công nợ và hai bên thống nhất số tiền mua hàng, Công ty J phải trả cho Công ty M là: 115.529.920 đồng (một trăm mười lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng), kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty M đã xuất cho Công ty J.

Ngày 14/12/2015 Công ty J thanh toán cho Công ty M một phần công nợ là: 54.077.320 đồng (năm mươi bốn triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi đồng) bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng BIDV, số tiền còn phải thanh toán là: 61.452.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng), nhưng từ đó cho đến nay Công ty M đã nhiều lần liên hệ để thu hồi số tiền còn lại nhưng Công ty J vẫn không chịu hợp tác.

Nay Công ty M yêu cầu Tòa án buộc Công ty J phải trả số tiền mua hàng (chỉ may) còn nợ là 61.452.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng), trả ngay một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J vắng mặt tại Tòa án và phiên tòa, mặc dù Tòa án đã triệu tập công ty theo luật định.

Tại phiên tòa đại diện của Công ty Cổ phần M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc Công ty J phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 61.452.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 9 trình bày:

-Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

-Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục tố tụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn J đã được Tòa án triệu tập 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo luật định.

Về yêu cầu của nguyên đơn: Công ty Cổ phần M (Công ty M) do ông Nguyễn Ngọc Dũng là đại diện theo pháp luật và Công ty TNHH J (Công ty J) do ông K là đại diện theo pháp luật ký hợp đồng nguyên tắc số 112-2014/HDNT, ngày 18/10/2014, do đó Công ty M bán chỉ may cho Công ty J, việc mua bán, thanh toán trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số lượng chỉ và màu sắc được Công ty J báo bằng đơn đặt hàng cụ thể và việc thanh toán căn cứ vào hóa đơn (hóa đơn giá trị gia tăng), bên Công ty J phải thanh toán trong vòng 40 ngày kể từ ngày Công ty M phát hành hóa đơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty M đã giao hàng và xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty J (hóa đơn số 0003722, 0003723 ngày 27/8/2015 và hóa đơn đơn số 0003144 ngày 31/7/2015).

Ngày 30/9/2015 hai Công ty tiến hành đối chiếu công nợ và số tiền mua hàng mà Công ty J phải trả cho Công ty M là: 115.529.920 đồng (một trăm mười lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng). Ngày 14/12/2015 Công ty J đã thanh toán cho Công ty M một phần công nợ là: 54.077.320 đồng (năm mươi bốn triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi đồng) bằng hình thức chuyển khoản thông qua Ngân hàng BIDV, số tiền còn phải thanh toán là: 61.452.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Xét thấy, Công ty Cổ phần M ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa (chỉ may) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn J, cả hai công ty đều có đăng ký kinh doanh, hai bên thỏa thuận bằng các điều khoản cụ thể, nên đây là hợp đồng kinh doanh thương mại. Căn cứ hồ sơ vụ án, lời khai của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay, việc giao nhận hàng đã được thực hiện, Công ty M đã giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty J, ngoài ra Công ty M cũng xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng số 0003722, 0003723 ngày 27/8/2015 và hóa đơn đơn số 0003144 ngày 31/7/2015 cho Công ty J.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2015 của hai công ty, thì số tiền Công ty J phải trả cho Công ty M là 115.529.920 đồng (một trăm mười lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng). Ngày 14/12/2015 Công ty J đã thanh toán được cho Công ty M là 54.077.320 đồng (năm mươi bốn triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn ba

trăm hai mươi đồng) bằng hình thức chuyển khoản thông qua Ngân hàng BIDV (có xác nhận của Ngân hàng). Số tiền Công ty J còn phải trả cho Công ty M là 61.452.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng). Vì vậy việc Công ty M yêu cầu Tòa án buộc Công ty J phải trả số tiền mua hàng (chỉ may) còn nợ là 61.452.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng), trả một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty M được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn Công ty J phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Án phí Công ty J phải nộp là 3.072.600 đồng (61.452.000 đồng x 5%);

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 24, khoản 1 Điều 34, Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- **Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;**
- Áp dụng Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần M.
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn J phải trả cho Công ty Cổ phần M tiền mua hàng hóa (chỉ may) còn nợ là: 61.452.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng), trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần M có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn J vẫn chưa trả hết số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền phải thanh toán và thời gian chậm thanh toán.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn J phải chịu là: 3.072.600 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm đồng), nộp tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.536.315 đồng (một triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm mười năm đồng) cho Công ty Cổ phần M theo Biên lai tạm ứng án phí AC/2014/0007570 ngày 22/4/2016 của Cục Thi hành án Dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện KSND Q.9;
- Chi cục THADS Q.9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Vũ Thủy